

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TÂN CHÂU
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 252/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 13/8/2020
“V/v tranh chấp hôn nhân và
gia đình, ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN CHÂU, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Bạch Tuyết.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Nô;
2. Bà Nguyễn Thị Lệ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trịnh Hữu Lợi, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Bảo Thịnh - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 103/2020/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2020 về “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 155/2020/QĐXXST-HN ngày 26 tháng 6 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 185/2020/QĐST-HNGĐ ngày 21/7/2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Cao Văn H, sinh năm 1973; Địa chỉ: Số 387, tổ 11, ấp H, xã P, thị xã N, tỉnh An Giang;

Bị đơn: Bà Mai Thu Ng, sinh năm 1972; Địa chỉ: Tổ 11, ấp H, xã V, thị xã T, tỉnh An Giang.

Ông H có mặt tại phiên tòa; Bà Ng vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Cao Văn H trình bày: Năm 1994, ông H và bà Mai Thu Ng tự tìm hiểu, yêu thương nhau, được hai bên gia đình chấp thuận tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phú Vĩnh, huyện Tân Châu

(nay là thị xã Tân Châu), tỉnh An Giang, theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 108 ngày 02/8/2002. Sau lễ cưới, ông H và bà Ng sống bên gia đình cha mẹ ruột của ông H tại số nhà 387, Tổ 11, ấp H, xã V, thị xã T, tỉnh An Giang. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến cuối năm 2012, đầu năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống về tình cảm, thường xuyên cãi vã, không hòa hợp. Ông H và bà Ng sống xa nhau từ cuối năm 2014 cho đến nay. Tình cảm giữa ông H đối với bà Ng đã hết, ông H yêu cầu ly hôn với bà Mai Thu Ng.

Về con chung: Ông H và bà Ng có 02 con chung tên: Cao Hồng Th, sinh năm 1996 và Cao Hồng T1, sinh năm 1999. Hiện 02 con chung đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo biên bản lời khai, quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Mai Thu Ng trình bày: Thống nhất về thời gian, điều kiện đi đến hôn nhân, quá trình chung sống của vợ chồng như ông Cao Văn H trình bày. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc, khoảng năm 2014 phát sinh mâu thuẫn về tình cảm, ông H có người phụ nữ khác bên ngoài nên hay về nhà kiếm chuyện gây nhau và thường xuyên đánh bà Ng. Sau đó, đến năm 2015, ông H bỏ nhà đi cho đến nay. Bà Ng và ông H sống xa nhau đã lâu, không còn tình cảm với ông H và ông H không chung thủy, không quan tâm chăm sóc gia đình nên bà Ng đồng ý thuận tình ly hôn với ông H.

Về con chung: Có 02 con chung tên Cao Hồng Th, sinh năm 1996 và Cao Hồng T1, sinh năm 1999. Hiện 02 con chung đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, bà Ng vắng mặt, ông H yêu cầu ly hôn với bà Ng.

- Phát biểu của Kiểm sát viên:

+ Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án thực hiện đúng quy định tại các Điều 195, Điều 196 và Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 về xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc tuân theo pháp luật của đương sự: Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, Điều 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

+ Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ hồ sơ vụ án, tài liệu chứng cứ, kết quả tranh luận tại phiên tòa: Hôn nhân của ông H và bà Ng là hợp pháp có đăng ký kết hôn theo quy định của

pháp luật. Ông H và bà Ng phát sinh mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống về tình cảm, thường xuyên cãi vã, không hòa hợp. Sống xa nhau từ năm 2014 cho đến nay. Tình cảm của ông H và bà Ng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Ông H yêu cầu ly hôn với bà Ng, biên bản lời khai bà Ng thống nhất thuận tình ly hôn với ông H.

Về con chung: Ông Cao Văn H và bà Mai Thu Ng thống nhất, trong thời kỳ hôn nhân, ông H và bà Ng có 02 (hai) con chung tên: Cao Hồng Th, sinh năm 1996 và Cao Hồng T1, sinh năm 1999. Hiện 02 (hai) con chung đã trưởng thành và có khả năng lao động nên Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập đến.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Cao Văn H được ly hôn bà Mai Thu Ng.

Về án phí: Ông Cao Văn H phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

**Về tố tụng:*

[1] Về thẩm quyền: Ông Cao Văn H khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà Mai Thu Ng. Bà Ng có nơi cư trú: Tổ 11, ấp H, xã V, thị xã T, tỉnh An Giang. Xét, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn bà Mai Thu Ng được tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng của Tòa án nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn như theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

** Về nội dung:*

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Vào năm 1994, ông H và bà Ng tự tìm hiểu, yêu thương nhau, được hai bên gia đình chấp thuận tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phú Vĩnh, huyện Tân Châu (nay là thị xã Tân Châu), tỉnh An Giang, theo

giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 108 ngày 02/8/2002, nên hôn nhân giữa ông H và bà Ng là hợp pháp, phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng

Ông H khai, sau khi kết hôn ông H và bà Ng chung sống hạnh phúc, đến cuối năm 2012, đầu năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống về tình cảm, thường xuyên cãi vã, tính tình không hòa hợp, vợ chồng không có tiếng nói chung. Ông H và bà Ng sống xa nhau từ cuối năm 2014 cho đến nay. Cuộc sống chung giữa ông H và bà Ng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, nên ông H kiên quyết yêu cầu ly hôn với bà Mai Thu Ng.

Biên bản lời khai ngày 09/6/2020, bà Mai Thu Ng khai, nguyên nhân mâu thuẫn về tình cảm do ông H có người phụ nữ khác bên ngoài nên hay về nhà kiểm chuyện gây nhau và thường xuyên đánh bà Ng. Năm 2015, ông H bỏ nhà đi cho đến nay. Bà Ng và ông H sống xa nhau đã lâu, không còn tình cảm với ông H và ông H không chung thủy, không quan tâm chăm sóc gia đình nên bà Ng đồng ý thuận tình ly hôn với ông H.

Tình trạng vợ chồng ông H và bà Ng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Ông H và bà Ng thống nhất thuận tình ly hôn là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật. Xét, công nhận thuận tình ly hôn giữa ông Cao Văn H và bà Mai Thu Ng theo quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Ông H và bà Ng thống nhất khai có 02 (hai) con chung tên: Cao Hồng Th, sinh năm 1996 và Cao Hồng T1, sinh năm 1999. Hiện 02 (hai) con chung đã trưởng thành, có khả năng lao động nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Ông H và bà Ng khai tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập đến.

[6] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Ông Cao Văn H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào tạm ứng án phí đã nộp.

Bà Ng không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, khoản 2 Điều 227 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Cao Văn H và bà Mai Thu Ng.

Giấy chứng nhận kết hôn số 108, ngày 02/8/2002, do Ủy ban nhân dân xã Phú Vĩnh, huyện Tân Châu (nay là thị xã Tân Châu), tỉnh An Giang cấp cho ông Cao Văn H và bà Mai Thu Ng không còn giá trị pháp lý.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Ông Cao Văn H phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số TU/2017/0002551 ngày 28 tháng 02 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang; Ông H đã nộp đủ án phí.

Bà Mai Thu Ng không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Thời hạn kháng cáo của ông H là 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Riêng thời hạn kháng cáo của bà Ng là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND TX. Tân Châu;
- Chi cục THADS TX. Tân Châu;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu văn phòng;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thị Bạch Tuyết

